

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 01 - 2023

V/ v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.
2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà D Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ,V, xã P.L, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1972.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ,V, xã P.L, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Trung Quốc. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ngô Thị D được tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai lừa gạt ai. Đến tháng 12/1989 ông và bà D được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và cũng sống chung từ đó. Nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2013 thì bà D tự ý bỏ đi Trung Quốc làm việc, trước khi đi hai vợ chồng không bàn bạc với nhau. Thời gian đầu bà D vẫn giữ liên lạc và có gửi tiền về cho ông trả nợ, đến cuối năm 2013 thì bà D cắt đứt mọi liên hệ với ông. Đến cuối năm 2015 ông xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng do không hiểu biết pháp luật nên ông không biết phải làm thủ tục giải quyết ly hôn với bà D như nào. Mấy năm gần đây vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Xác định ông và bà D không còn tình cảm nên ông có nguyện vọng được giải quyết quan hệ hôn nhân với bà D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật do ông và bà D không đăng ký kết hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà D có 03 người con chung. Con lớn là Hoàng Thị Q, sinh năm 1990; con thứ hai là Hoàng Thị T, sinh năm 1993; con thứ ba là Hoàng Văn H1, sinh năm 1998. Cả ba con đều đã trưởng thành nên ông không đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 23/12/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993 – Địa chỉ: Xóm Đ,V, xã P.L, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên là con gái của ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, chị có thông tin cho bà D được biết việc ông H đang yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà thì bà D có trao đổi lại: *“Bà biết việc ông H làm đơn không công nhận quan hệ vợ chồng với bà, bà và ông H chưa đăng ký kết hôn mà chỉ được tổ chức cưới hỏi và chung sống như vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 3 người con chung là Hoàng Thị Q, sinh năm 1990; Hoàng Thị T, sinh năm 1993 và Hoàng Văn H1, sinh năm 1998. Hiện cả 3 con đều đã trưởng thành nên bà không có ý kiến gì khác. Về tài sản chung, nợ chung bà không có đề nghị gì. Hiện bà D đang ở nước ngoài nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật”*.

Tại biên bản làm việc ngày 16/11/2022 giữa Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và cán bộ Tư pháp - Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xác minh về việc ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên không. Cán

bộ tư pháp đã tiến hành kiểm tra, rà soát toàn bộ sổ lưu trữ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.L và xác định không có ông Hoàng Văn H đăng ký kết hôn với bà Ngô Thị D tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 16068/QLXNC-P5 ngày 01/8/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định Ngô Thị D, đã xuất cảnh ngày 27/8/2016 qua cửa khẩu M.C, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của bà D ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của bà D ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của bà D là chị Hoàng Thị T (là con đẻ), có đủ căn cứ xác định bà D vẫn liên hệ với chị T nhưng chị cũng không cung cấp được địa chỉ của bà D và bà D cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu ông H nhưng ông cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của bà D ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án giải quyết: Ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D có được tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên ông H và bà D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo ông Hoàng Văn H khai: Sau khi tổ chức cưới hỏi thì từ năm 1989 vợ chồng cùng chung sống với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung. Thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2013 thì bà D tự ý bỏ đi Trung Quốc làm việc, trước khi đi hai vợ chồng không bàn bạc với nhau. Thời gian đầu bà D vẫn giữ liên lạc và có gửi tiền về cho ông trả nợ, đến cuối năm 2013 thì bà D cắt đứt mọi liên hệ với ông. Đến cuối năm 2015 ông xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng do không hiểu biết pháp luật nên ông không biết phải

làm thủ tục giải quyết ly hôn với bà D như nào. Mấy năm gần đây vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Xác định ông và bà D không còn tình cảm nên ông có nguyện vọng được giải quyết quan hệ hôn nhân với bà D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn bà D, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (con đẻ của bà D), bà cũng xác định vợ chồng hiện không còn tình cảm tuy nhiên do không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và quy định tại khoản 1, thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư Pháp- Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết*” và quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Như vậy theo quy định của pháp luật đối với trường hợp ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, chưa đăng ký kết hôn theo quy định thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D.

Về con chung: Ông H và bà D khai quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung. Con lớn là Hoàng Thị Q, sinh năm 1990; con thứ hai là Hoàng Thị T, sinh năm 1993; con thứ ba là Hoàng Văn H1, sinh năm 1998. Cả ba con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết. Phía bà D không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: - Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm;

- Căn cứ vào điều 28, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 11, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D. Con chung: đã trưởng thành, không giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 11, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Bộ Tư Pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Hoàng Văn H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn H và bà Ngô Thị D.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0000164 ngày 11/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Ngô Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã P.L, huyện ĐT, TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Ích Yên